

Số: 37/2022/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 14 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

V/v công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Bùi Đăng Huy**.

Thư ký phiên họp: Bà **Phạm Thị Minh Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:
Ông **Nguyễn Văn Tường** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 98/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định mở phiên họp số 130/2022/QĐMPH-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Chị **Đỗ Bích N**, sinh năm 1995;

Địa chỉ cư trú: Đ, khu 4, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản

Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Ông **Đỗ Văn K**, sinh năm 1976; địa chỉ: T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Nguyễn Ngọc Hoàng N**, sinh năm 1991;

Địa chỉ cư trú: Đ, khu 4, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh N sau một thời gian tự do quen biết và tìm hiểu thì được gia đình tổ chức đám cưới. Ngày 28/5/2015 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Khoảng đầu năm 2019 vợ chồng chị

N anh N cùng đi lao động tại Nhật Bản. Đến năm 2021 anh N về Việt Nam còn chị N vẫn ở lại Nhật Bản cho đến nay. Hiện anh N và chị N hoàn toàn chấm dứt tình cảm vợ chồng, không còn liên lạc gì, ly thân đã lâu và cả hai đều xác định không thể tiếp tục mối quan hệ vợ chồng nên cùng thống nhất ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chị N và anh N có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thảo M, sinh ngày 23/10/2015. Hiện cháu M đang ở cùng anh Nam. Tuy nhiên do cháu M là con gái sau này ở với mẹ sẽ phù hợp hơn, sắp tới chị N sẽ về Việt Nam đoàn tụ với con gái và chị N có nguyện vọng muốn được nuôi con nên khi vợ chồng ly hôn anh N và chị N thống nhất đề nghị tòa án giải quyết cho chị N được quyền nuôi dưỡng cháu M. Hiện do chị N đang ở nước ngoài nên cháu M sẽ do ông ngoại cháu là ông Đỗ Văn K nuôi dưỡng trong thời gian chị N không ở Việt Nam. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, anh N đồng ý. Về chi phí nuôi dưỡng cháu M do chị N và ông Đỗ Văn K tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị N và anh N cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị N tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị N và anh N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn. Anh N đang sinh sống ở Việt Nam, chị N hiện đang sinh sống ở Nhật Bản nên căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Các văn bản chị N gửi về gồm Đơn xin ly hôn, đơn xin xét xử vắng mặt, bản tự khai, giấy ủy quyền toàn bộ giấy tờ này đều có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản, theo quy định tại Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được công nhận là hợp pháp.

Chị N hiện đang sinh sống ở Nhật Bản không có điều kiện về Việt Nam nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho ông Đỗ Văn K giao nhận các văn bản tố tụng với Tòa án.

Ông Đỗ Văn K đồng ý nhận ủy quyền của chị N để giao nộp và nhận các tài liệu, giấy tờ, quyết định của tòa án và xác định sẽ có trách nhiệm thông báo và giao lại cho chị N các giấy tờ, tài liệu, quyết định của tòa án.

Tại phiên họp chị N và anh N vắng mặt nhưng đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên TAND tỉnh Hải Dương tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 367 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh N tự do quen biết, tìm hiểu và được gia đình tổ chức đám cưới. Ngày 28/5/2015 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Khoảng đầu năm 2019 vợ chồng cùng đi lao động tại Nhật Bản. Đến năm 2021 anh N về Việt Nam còn chị N vẫn ở lại Nhật Bản cho đến nay. Hiện anh N và chị N hoàn toàn chấm dứt tình cảm vợ chồng, không còn liên lạc gì, ly thân đã lâu và cả hai đều xác định không thể tiếp tục mối quan hệ vợ chồng nên cùng thống nhất ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Như vậy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh N đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Chị N và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thảo M, sinh ngày 23/10/2015. Hiện cháu M đang ở cùng anh N. Tuy nhiên do cháu M là con gái sau này ở với mẹ sẽ phù hợp hơn, sắp tới chị N sẽ về Việt Nam đoàn tụ với con gái và chị N có nguyện vọng muốn được nuôi con nên khi vợ chồng ly hôn anh N và chị N thống nhất đề nghị tòa án giải quyết cho chị N được quyền nuôi dưỡng cháu M. Hiện do chị N đang ở nước ngoài nên cháu M sẽ do ông ngoại cháu là ông Đỗ Văn K nuôi dưỡng trong thời gian chị N không ở Việt Nam. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, anh N đồng ý. Về chi phí nuôi dưỡng cháu M do chị N và ông Đỗ Văn K tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên tòa không xét.

Xét thấy thỏa thuận của anh chị phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị N và anh N cùng xác định không có, không yêu cầu nên Tòa án không xét.

[5] Về lệ phí: Chị N tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Tại phiên họp, đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết: Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị N và anh N. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh N, giao con chung Nguyễn Ngọc Thảo M, sinh ngày 23/10/2015 cho chị N nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, trong thời gian chị N không có ở Việt Nam sẽ do bố đẻ chị N là ông Đỗ Văn K nuôi dưỡng thay, chi phí chăm sóc do các bên tự thỏa thuận nên không xem xét. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con và chị N tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367, khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Đỗ Bích N và anh **Nguyễn Ngọc Hoàng N**.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị Đỗ Bích N và anh Nguyễn Ngọc Hoàng Nam về việc chị Đỗ Bích N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Thảo M, sinh ngày 23/10/2015 đến khi trưởng thành, anh Nguyễn Ngọc Hoàng N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và do ông Đỗ Văn K, sinh năm 1976; địa chỉ: T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương thay chị N chăm sóc trong thời gian chị N không ở Việt Nam.

Anh Nguyễn Ngọc Hoàng N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở và quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Bích N về việc chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng do ông Đỗ Văn K đã nộp thay chị N tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2021/0000055 ngày 18/4/2022. Chị N đã nộp đủ.

Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 14/6/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh HD;
- Cục THADS tỉnh HD;
- UBND phường B, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu tòa.

THẨM PHÁN

Bùi Đăng Huy